TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2023/KDTM-ST Ngày: 14-4-2023 *V/v: "Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cho thuê tài chính I – Ngân hàng X (gọi tắt là X); địa chỉ: Số 4 P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Xuân T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh S – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc (Theo Quyết định về việc ủy quyền số 38/QĐ-ALCI-HCNS ngày 04/12/2020)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Bùi Thị Kim O, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 2 ngõ 43, C, Đ, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền số 05/ALCI-HCNS ngày 10/01/2023).

Bị đơn: Công ty TNHH Vận tải biển Y (gọi tắt là công ty Y); địa chỉ trụ sở chính: Xóm 7 (xóm L cũ), xã A, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1.

(Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn X và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

X đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số: 68/2004/ALCI ngày 28/04/2004 với Công ty Y. Nội dung cụ thể như sau: X cho Công ty Y thuê 01 tàu biển, chở hàng khô, trọng tải 1981,44 tấn mang tên Trường Giang 09 –ALCI; Tổng giá trị tài sản cho thuê: 12.836.680.000 đồng; Dư nợ khi cho thuê: 10.694.460.500 đồng; Đặt cọc: 2.142.219.500 đồng; Ký cược: 0 đồng; Thời hạn thuê: 108 tháng; Ngày nhận nợ: 29/04/2005. Ngày trả nợ cuối cùng: 18/03/2013; Lãi suất khi cho thuê: 0.92%/tháng; Lãi suất cho thuê được áp dụng lãi suất có điều chỉnh theo tháng, mức lãi suất cụ thể tại thời điểm điều chỉnh thực hiện theo thông báo của X (trường hợp để phát sinh nợ quá hạn, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn); Mục đích sử dụng tài sản thuê là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh hợp pháp của Công ty Y.

Tại Hợp đồng cho thuê này, Công ty Y cam kết thanh toán tiền thuê cho X đầy đủ, đúng hạn theo lịch thanh toán kèm Hợp đồng. Khi Công ty Y vi phạm hợp đồng ở mức không thể khắc phục được, X có toàn quyền thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê và yêu cầu Công ty Y phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng. Trong thời gian tối đa 30 ngày (điều 15, mục 2.1 của hợp đồng), nếu Công ty Y chưa hoàn trả đầy đủ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng thì X có toàn quyền bán tài sản thuê, cho thuê lại để bảo toàn vốn cho nhà nước. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán, Công ty Y có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền còn thiếu đó cho X.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính nói trên, Công ty Y đã vi phạm Hợp đồng thuê: không thanh toán tiền thuê tài chính đầy đủ, đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn lớn và kéo dài, vi phạm Khoản 1 Điều 7 "Thanh toán tiền thuê" của Hợp đồng thuê. Cụ thể tính đến ngày thu hồi tàu (11/09/2013), Công ty Y còn phải thanh toán theo hợp đồng trên là: 9.297.955.839 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 5.992.720.600 đồng; Nợ lãi: 3.163.014.639 đồng; Chi phí thu hồi: 142.220.600 đồng).

Đại diện X đã rất nhiều lần trực tiếp xuống trụ sở khách hàng thuê làm việc và gửi văn bản yêu cầu thanh toán dứt điểm nợ tồn đọng, thực hiện nghĩa vụ

Hợp đồng cho thuê tài chính nhưng vẫn không thực hiện được. Vì vậy, X đã ra Quyết định số: 04/QĐTH-ALCI-KD ngày 11/09/2013 thu hồi tàu Trường Giang 09-ALCI. Ngày 11/10/2013, X đã tiến hành thu hồi tài sản cho thuê là tàu Trường Giang 09-ALCI từ Công ty Y tại âu đà Công ty CP cơ khí thương mại và xây dựng B (địa chỉ: N, M, Hải Phòng). Sau khi thu hồi tài sản, X đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy định của Pháp luật để xử lý tàu Trường Giang 09 –ALCI. Ngày 11/03/2014, X đã ký hợp đồng cho thuê lại tàu Trường Giang 09-ALCI với Công ty TNHH VTB H1. Công ty TNHH VTB H1 nhận lại toàn bộ dư nợ gốc 5.992.720.600 đồng. Đặt cọc 892.720.600, ký cược 100.000.000 đồng, chi phí thu hồi 142.220.600 đồng. Sau khi đã xử lý cho thuê lại tàu Trường Giang 09-ALCI, công nợ còn lại Công ty Y phải thanh toán cho X là 3.155.735.239 đồng.

- X đã gửi thông báo ngày 11/03/2014 tới Công ty Y về việc thanh toán số nợ trên cho X. Tuy nhiên, đến nay Công ty Y vẫn không hợp tác làm việc và không trả nợ cho X.

Căn cứ các nội dung nêu trên, X làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H, Nam Định tuyên buộc Công ty Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho X toàn bộ số tiền nợ lãi là **3.155.735.239** đồng. Nếu Công ty Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Y để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH Vận tải biển Y trình bày:*

Công ty Y có thuê tài chính 01 phương tiện là tàu Trường Giang số 09 và có đầu tư vốn ban đầu là 2.142.219.500đ để hình thành tài sản tàu Trường Giang số 09. Từ năm 2005 đến năm 2008, công ty đã thanh toán tiền thuê hàng quý đầy đủ. Tuy nhiên từ cuối năm 2008 trở về sau khai thác tàu gặp nhiều khó khăn, đồng thời tàu bị hỏng phải sửa chữa trong vòng 7 tháng dẫn đến không có doanh thu. Cùng thời gian này, công ty cho thuê tài chính lại tính lãi suất tăng cao làm cho doanh nghiệp mất phương hướng kinh doanh. Theo bảng kê của công ty cho thuê tài chính cung cấp đến khi bị thu giữ tàu thì công ty Y đã thanh toán cho công ty tổng số tiền là 13.530.363.724 đồng. Việc công ty cho thuê tài chính thu giữ tàu làm mất đi quyền định đoạt giá trị tàu của Doanh nghiệp khi cho thuê lại. Quan điểm của công ty Y là không công nhận số nợ lãi mà công ty cho thuê tài chính khởi kiện, có quan điểm X cần hoàn lại cho công ty Y số tiền đã đặt cọc là 2.142.219.500 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 302, 305, 480,482, 484, 491 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 4 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty cho thuê tài chính I – Ngân hàng X đối với Công ty TNHH vận tải biển Y, buộc Công ty Y phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho X số lãi là 3.155.735.239 đồng. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, công ty Y không trả nợ thì thì X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý để thu hồi nợ theo hợp đồng cho vay tài tài chính đã ký kết với nhau theo quy định của pháp luật.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, các đương sự là X và Công ty Y xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] *Về hợp đồng cho thuê tài:* Xét hợp đồng cho thuê tài chính số 68/2004/ALCI ngày 28/4/2008, các biên bản làm việc, biên bản thoả thuận giữa X và công ty Y thì thấy: X và công ty Y đều là các pháp nhân có đăng ký kinh doanh; việc ký hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh của doanh nghiệp; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng cho thuê tài chính số 68/2004/ALCI ngày 28/4/2004 được ký kết giữa X - công ty Y và các văn bản bộ phận kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ thực hiện.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

X đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số: 68/2004/ALCI ngày 28/04/2004 với Công ty Y. Nội dung cụ thể như sau: X cho Công ty Y thuê 01 tàu biển, chở hàng khô, trọng tải 1981,44 tấn mang tên Trường Giang 09–ALCI; Tổng giá trị

tài sản cho thuê: 12.836.680.000 đồng; Dư nợ khi cho thuê: 10.694.460.500 đồng; Đặt cọc: 2.142.219.500 đồng; Ký cược: 0 đồng; Thời hạn thuê: 108 tháng; Ngày nhận nợ: 29/04/2005. Ngày trả nợ cuối cùng: 18/03/2013; Lãi suất khi cho thuê: 0.92%/tháng; Lãi suất cho thuê được áp dụng lãi suất có điều chỉnh theo tháng, mức lãi suất cụ thể tại thời điểm điều chỉnh thực hiện theo thông báo của X (trường hợp để phát sinh nợ quá hạn, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn). Tại Hợp đồng cho thuê này, Công ty Y cam kết thanh toán tiền thuê cho X đầy đủ, đúng hạn theo lịch thanh toán đính kèm Hợp đồng. Khi Công ty Y vi phạm hợp đồng ở mức không thể khắc phục được, X có toàn quyền thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê và yêu cầu Công ty Y phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng. Trong thời gian tối đa 30 ngày (điều 15, mục 2.1 của hợp đồng), nếu Công ty Y chưa hoàn trả đầy đủ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng thì X có toàn quyền bán tài sản thuê, cho thuê lại để bảo toàn vốn cho nhà nước. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán, Công ty Y có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền còn thiếu đó cho X.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính nói trên, Công ty Y đã vi phạm Hợp đồng thuê: không thanh toán tiền thuê tài chính đầy đủ, đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn lớn và kéo dài, vi phạm Khoản 1 Điều 7 "Thanh toán tiền thuê" của Hợp đồng thuê. Cụ thể tính đến ngày thu hồi tàu (11/09/2013), Công ty Y còn phải thanh toán theo hợp đồng trên là: 9.297.955.839 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 5.992.720.600 đồng; Nợ lãi: 3.163.014.639 đồng; Chi phí thu hồi: 142.220.600 đồng).

Đại diện X đã rất nhiều lần trực tiếp xuống trụ sở khách hàng thuê làm việc và gửi văn bản yêu cầu thanh toán dứt điểm nợ tồn đọng, thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng cho thuê tài chính nhưng vẫn không thực hiện được. Vì vậy, X đã ra Quyết định số: 04/QĐTH-ALCI-KD ngày 11/09/2013 thu hồi tàu Trường Giang 09-ALCI. Sau khi đã xử lý cho thuê lại tàu Trường Giang 09-ALCI, công nợ còn lại Công ty Y phải thanh toán cho X là 3.155.735.239 đồng.

- X đã gửi thông báo ngày 11/03/2014 tới Công ty Y về việc thanh toán số nợ trên cho X. Tuy nhiên, đến nay Công ty Y vẫn không hợp tác làm việc và không trả nợ cho X.

Căn cứ các nội dung nêu trên, X làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H, Nam Định tuyên buộc Công ty Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho X toàn bộ số tiền nợ lãi là **3.155.735.239** đồng.

Công ty Y cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán được tổng số tiền là 13.530.363.724 đồng, việc X thu hồi tàu làm mất đi quyền định đoạt giá trị tàu khi cho thuê lại, đồng thời X lãi suất tăng cao nên Công ty Y không công nhận số nợ lãi mà X khởi kiện, đồng thời yêu cầu X phải hoàn lại phần tiền mà Công ty Y đặt cọc ban đầu là 2.142.219.500 đồng.

Theo yêu cầu của Công ty Y, X đã nộp cho Tòa án bảng tính lãi kỳ hạn, phiếu tính lãi quá hạn và bảng kê chi tiết hoạt động khế ước. Sau khi thu hồi tàu và xử lý xong tài sản cho thuê thì Công ty Y chỉ còn nợ X khoản nợ lãi còn lại là 3.155.735.239 đồng mà không phát sinh thêm lãi mới. Các thay đổi về lãi suất theo các kỳ đều được X ra văn bản thông báo. Xét việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn như X đã yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên tại hợp đồng số 68/2004/ALCI ngày 28/4/2004. Từ khi thực hiện hợp đồng đến nay, công ty Y cũng không ý kiến, thắc mắc gì về vấn đề này. Do đó, ý kiến mà công ty Y đưa ra không có cơ sở chấp nhận về việc X tăng lãi cao, công ty Y không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai ý kiến yêu cầu của mình. Hơn nữa, tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2014 tại Hội sở Công ty X có đại diện Công ty Y, hai bên đã chốt lại số nợ lãi với nhau, đúng với số tiền X khởi kiện yêu cầu Công ty Y trả nợ nên việc Công ty Y không công nhận số lãi X yêu cầu là không phù hợp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của X là có căn cứ, buộc công ty Y thanh toán cho X số tiền là 3.155.735.239 đồng là phù hợp pháp luật.

*[4] Đối với yêu cầu của X đề nghị Tòa án tuyên trong bản án nội dung "*nếu Công ty Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Y để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật". Xét tại hợp đồng cho thuê tài chính và các phụ lục hợp đồng, các biên bản thỏa thuận, biên bản làm việc giữa X và công ty Y không thỏa thuận về việc thế chấp, cầm cố tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng thuê nên không có thỏa thuận về tài sản bảo đảm kèm theo; giữa các bên chỉ có cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Công ty Y được tổ chức hoạt động theo hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn nên việc X đề nghị HĐXX tuyên như trên là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc Công ty Y có ý kiến X phải trả cho Công ty Y số tiền đã đầu tư (đặt cọc) là 2.142.219.5000 đồng là không có cơ sở chấp nhận vì theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 68/2004/ALCI ngày 28/4/2004 sau khi Công ty Y ký phụ lục Hợp đồng số 04B/ALCI thì số tiền đặt cọc đã được trừ ngay vào tổng số tiền cho thuê, đồng thời việc chấm dứt Hợp đồng là do công ty Y đã vi phạm nghĩa vụ trong quá trình thuê tàu nên Công ty X không có nghĩa vụ phải trả lại cho Công ty Y số tiền đã đặt cọc là 2.142.219.5000 đồng.

[6] *Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tung dân sự; Điều 269, 270, 271 Luật thương mại; Khoản 4 Điều 4, Điều 61, 62, 63, 91 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung 2004, Điều 17, 23, 24, 25, 26, 27, 28 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 về chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính; Nghị định số 65/2005 ngày 19/5/2005 Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính I – Ngân hàng X đối với công ty TNHH vận tải biển Y về việc "tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính" đối với Công ty TNHH Vận tải biển Y.

2. Buộc công ty TNHH vận tải biển Y phải thanh toán trả nợ cho Công ty cho thuê tài chính I – Ngân hàng Y số tiền lãi là 3.155.735.239 đồng (Ba tỷ một trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi chín đồng).

Trường hợp Công ty Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Y để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc công ty TNHH vận tải biển Y phải nộp 95.114.710 đồng (chín mươi lăm triệu một trăm mười bốn nghìn bảy trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cho thuê tài chính I – Ngân hàng X số tiền 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0006452 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng